

Đơn vị: SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Mã chương: 417
Mã QHNS: 1096687
Mã KBNN nơi giao dịch: 0061

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 944 /QĐ-SKHCN ngày 15/6/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng cộng	Chi tiết phân bổ	
			Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông Hải Phòng
A	B	I=2+3	2	3
A	TỔNG DỰ TOÁN THU			
B	TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN	11.282.458.068	10.821.520.000	460.938.068
I	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể			
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
II	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	11.282.458.068	10.821.520.000	460.938.068
1	Chi hoạt động thường xuyên	11.282.458.068	10.821.520.000	460.938.068
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	11.282.458.068	10.821.520.000	460.938.068
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2026 theo Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố (đợt 1)	11.282.458.068	10.821.520.000	460.938.068
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0061	0061
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1048865	1099165